

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Âm nhạc (ANC) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1118	Khải	ANC126	Chỉ huy và dàn dựng hát tập thể	4	CCAN14	14	2	--3456-----	E203	345678901234567
1133	Quân	ANT001	Lý thuyết Âm nhạc	4	TCTM162	50	2	-----9012	E201	90123456789012
1120	Luận	ANC002	Lý thuyết Âm nhạc	3	CCMN161	55	3	-234-----	D204	90123456 8901
1118	Khải	ANC122	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	3	CCAN14	14	3	---456-----	E203	345678901234567
1117	Hiền	ANC204	Nhạc cụ	2	CCTH151	16	3	-----78----	E202	34567890 4567890
1133	Quân	ANC201	Nhạc lý phổ thông	3	CCTH162	50	3	-----901-	H104	90123456 8901
1117	Hiền	ANC204	Nhạc cụ	2	CCTH151	16	3	-----90--	E202	34567890 4567890
1117	Hiền	ANC204	Nhạc cụ	2	CCTH151	16	3	-----12	E202	34567890 4567890
9007	Quốc	ANC125	Vi tính chuyên ngành	2	CCAN14	14	4	12-----	A202	345678901234567
1117	Hiền	ANC203	Học hát	2	CCTH152	22	4	12-----	E202	34567890 4567890
1117	Hiền	ANC203	Học hát	2	CCTH152	22	4	--34-----	E202	34567890 4567890
1117	Hiền	ANC114	Đệmđàn	2	CCAN14	14	4	----56-----	E203	78901234567
1120	Luận	ANC201	Nhạc lý phổ thông	3	CCTH161	50	4	-----901-	H105	90123456 8901
1121	Sơn	ANC119	Hòa âm ứng dụng và phối bè 2	2	CCAN14	14	5	12-----	E203	345678901234567
1121	Sơn	ANC002	Lý thuyết Âm nhạc	3	CCMN162	55	5	--345-----	D205	90123456 8901
1118	Khải	ANC001	Thường thức âm nhạc	3	CCSA16	30	5	---456-----	H204	90123456 8901
9007	Quốc	ANC204	Nhạc cụ	2	CCTH152	15	5	-----78----	E202	34567890 4567890
1133	Quân	ANT001	Lý thuyết Âm nhạc	4	TCTM161	50	5	-----8901-	D204	90123456789012
9007	Quốc	ANC204	Nhạc cụ	2	CCTH152	14	5	-----90--	E202	34567890 4567890
9007	Quốc	ANC204	Nhạc cụ	2	CCTH152	15	5	-----12	E202	34567890 4567890
1133	Quân	ANC116	Hát 2	2	CCAN14	14	6	-23-----	E203	345678901234567
1133	Quân	ANT001	Lý thuyết Âm nhạc	4	TCTM163	50	6	-----9012	E301	90123456789012
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu										
1117	Hiền	ANC203	Học hát	0	CCTH151	24	*			34567890 4567890
1117	Hiền	ANC203	Học hát	0	CCTH151	24	*			34567890 4567890

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM
Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Công Nghệ (CNH) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1060	Tuyệt	KNC120	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	2	CCKN14	11	6	12-----	M207	3456789012

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Công Tác Đội (CTD) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học	
										123456789012345678901234567	
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu											
1080	Hùng	CDC001	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	CCSA15	33	2	-----90--	H202	34567890	4567890
1080	Hùng	CDC001	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	CCHH15	37	2	-----12	M206	34567890	4567890
1080	Hùng	CDC002	PPTC Công tác Đội TNTP HCM, TH CTĐ và SND	3	CCTH142	43	4	-----890--	H103	345678901234567	
1080	Hùng	CDC001	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	CCSH15	34	4	-----12	M203	34567890	4567890
1080	Hùng	CDC001	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	CCVL15	40	5	-----78----	M202	34567890	4567890
1080	Hùng	CDC002	PPTC Công tác Đội TNTP HCM, TH CTĐ và SND	3	CCTH141	41	5	-----901-	H103	345678901234567	
1080	Hùng	CDC001	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	CCLS15 ...	57	6	-----78----	M103	34567890	4567890
1080	Hùng	CDC001	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	CCTO15	39	6	-----90--	M201	34567890	4567890
1080	Hùng	CDC001	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	CCNV15	29	6	-----12	M101	34567890	4567890

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM
Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Địa Lý (DLY) - Khoa:

CBGD	Tên CGBD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1169	Uyên	DLC108	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	5	CCDL14	28	2	-23456-----	M102	34567
1169	Uyên	DLC109	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	5	CCDL14	28	2	-23456-----	M102	8901
1015	Sơn	DLC115	Lý luận dạy học Địa lý 1	3	CCDL15	30	2	-----901-	M102	34567890 45678
1169	Uyên	DLC002	Dân số môi trường	4	CCNV16	30	2	-----9012	H103	901
1015	Sơn	DLC116	Lý luận dạy học Địa lý 2	3	CCDL14	28	3	---456-----	M102	345678901234567
1081	Hăng	DLC105	Bản đồ học	3	CCDL15	30	3	-----012	M102	34567890 45678
1169	Uyên	DLC002	Dân số môi trường	3	CCNV16	30	3	-----012	M105	901
1169	Uyên	DLC108	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	4	CCDL14	28	4	1234-----	M102	34567
1169	Uyên	DLC109	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	4	CCDL14	28	4	1234-----	M102	8901
1081	Hăng	DLC112	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	4	CCDL14	28	4	1234-----	M102	234567
1015	Sơn	DLC116	Lý luận dạy học Địa lý 2	2	CCDL14	28	4	----56-----	M102	345678901234567
1078	Dững	DLC110	Địa lý các châu 1	3	CCDL15	30	4	-----789---	M102	34567890 45678
1015	Sơn	DLC115	Lý luận dạy học Địa lý 1	3	CCDL15	30	4	-----012	M102	34567890 45678
1169	Uyên	DLC108	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	4	CCDL14	28	5	1234-----	M102	34567
1169	Uyên	DLC109	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	4	CCDL14	28	5	1234-----	M102	8901
1081	Hăng	DLC112	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	5	CCDL14	28	5	12345-----	M102	234567
1081	Hăng	DLC105	Bản đồ học	3	CCDL15	30	5	-----789---	M102	34567890 45678
1078	Dững	DLC110	Địa lý các châu 1	3	CCDL15	30	5	-----012	M102	34567890 45678
1169	Uyên	DLC108	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	4	CCDL14	28	6	1234-----	M102	34567
1169	Uyên	DLC109	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	4	CCDL14	28	6	1234-----	M102	8901
1081	Hăng	DLC112	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	4	CCDL14	28	6	1234-----	M102	234567
1081	Hăng	DLC001	Biển đảo Việt Nam	3	CCNV16	30	6	-----789---	M105	90123456 8901
1169	Uyên	DLC002	Dân số môi trường	3	CCNV16	30	6	-----012	M105	901
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu										
		DLC118	Thực địa 2	0	CCDL15	30	*			

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM
Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Hoá Học (HHC) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1048	Thanh	HHC114	Hóa học phân tích 3	3	CCHH14	28	2	-234-----	M206	345678901234567
1047	Thảo	HHC105	Hóa vô cơ 2	2	CCHH15	37	2	-----90--	M206	345678904567890
1045	Dung	HHC110	Hóa hữu cơ 3	3	CCHH14	28	3	123-----	M206	345678901234567
1174	Trân	HHC117	Hóa học công nghệ và môi trường 2	3	CCHH15	37	3	-234-----	H206	345678904567890
1048	Thanh	HHC112	Hóa học phân tích 1	3	CCHH15	28	3	-----789--	M206	345678904567890
1047	Thảo	HHC105	Hóa vô cơ 2	2	CCHH15	37	4	-----89---	M206	345678904567890
1174	Trân	HHC116	Hóa học công nghệ và môi trường 1	3	CCHH15	37	5	-234-----	H206	345678904567890
1046	Huề	HHC127	Phương pháp dạy học hóa học 4	2	CCHH14	28	5	---45-----	M206	345678901234567
1048	Thanh	HHC112	Hóa học phân tích 1	2	CCHH15	28	5	-----78----	M206	345678904567890
1048	Thanh	HHC128	Tin học ứng dụng trong Hóa học	3	CCHH14	28	6	123-----	A202	345678901234567
1047	Thảo	HHC107	Hóa học vô cơ 4	2	CCHH14	28	6	---45-----	M206	345678901234567
1046	Huề	HHC124	PPDH hóa học 1	3	CCHH15	37	6	-----789---	M206	345678904567890
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu										
1046	Huề	HHC126	Phương pháp dạy học Hóa học 3	0	CCHH14	28	*			
1045	Dung	HHC111	Hóa hữu cơ 4	0	CCHH14	28	*			
1047	Thảo	HHC113	Hóa học phân tích 2	0	CCHH14	28	*			
1045	Dung	HHC103	Hóa học đại cương 3	0	CCHH15	37	*			

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thanh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Lịch Sử (LSU) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1082	Ngọc	LSC112	QHQT từ sau 1918 đến nay và Chiến tranh TG2	3	CCLS14	22	2	-234-----	M103	234567
1077	Liên	LSC108	CMT10 Nga và CNXH từ 1917 đến nay	3	CCLS14	22	2	-234-----	M103	345678901
1085	Tiến	LSC002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	CCSA16	30	2	---456-----	H204	90123456 8901
1077	Liên	LSC115	Lịch sử Việt nam TK XVI đến 1858	3	CCLS15	27	2	-----789---	M103	34567
1075	Dũng	LSC118	CĐ: Lịch sử tổ chức bộ máy Nhà nước ở Việt Nam thời P.kiến	3	CCLS15	27	2	-----789---	M103	6789
1075	Dũng	LSC116	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1918	3	CCLS15	27	2	-----789---	M103	890 45
1085	Tiến	LSC122	Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến 1975	4	CCLS14	22	2	-----8901-	M105	78901
1082	Ngọc	LSC133	Hướng dẫn DH các khóa trình lịch sử lớp 6,7,8,9	2	CCLS14	22	2	-----89---	M105	234567
1082	Ngọc	LSC131	HT các PPDHLS ở THCS	2	CCLS14	22	2	-----01-	M105	234567
1082	Ngọc	LSC123	Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay	4	CCLS14	22	3	1234-----	M103	234567
1077	Liên	LSC108	CMT10 Nga và CNXH từ 1917 đến nay	2	CCLS14	22	3	12-----	M103	345678901
1085	Tiến	LSC134	RLNVSP thường xuyên bộ môn Lịch sử	2	CCLS14	22	3	--34-----	M103	345678901
1075	Dũng	LSC128	CĐ: Quan hệ nhà Nguyễn với phương Tây	2	CCLS14	22	3	----56-----	M103	345678901
1085	Tiến	LSC130	Những vấn đề chung về bộ môn PPDHLS ở trường CĐSP	3	CCLS15	27	3	-----012	M103	34567890 456
1082	Ngọc	LSC131	HT các PPDHLS ở THCS	3	CCLS14	22	4	123-----	M103	234567
1017	Sơn	LSC109	Các nước tư bản sau Chiến tranh TG 1 đến nay	3	CCLS14	22	4	123-----	M103	345678901
1085	Tiến	LSC002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	CCNV16	30	4	---456-----	M105	90123456 8901
1082	Ngọc	LSC112	QHQT từ sau 1918 đến nay và Chiến tranh TG2	2	CCLS14	22	4	-----89---	M105	234567
1075	Dũng	LSC106	Phương Tây và á, phi, Mỹ la tinh cận đại	4	CCLS15	27	4	-----9012	M103	34567890 456789
1082	Ngọc	LSC133	Hướng dẫn DH các khóa trình lịch sử lớp 6,7,8,9	3	CCLS14	22	4	-----012	M105	234567
1082	Ngọc	LSC123	Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay	4	CCLS14	22	5	1234-----	M103	234567
1075	Dũng	LSC128	CĐ: Quan hệ nhà Nguyễn với phương Tây	2	CCLS14	22	5	12-----	M103	345678901
1085	Tiến	LSC134	RLNVSP thường xuyên bộ môn Lịch sử	2	CCLS14	22	5	--34-----	M103	345678901
1077	Liên	LSC115	Lịch sử Việt nam TK XVI đến 1858	3	CCLS15	27	5	-----012	M103	34567
1075	Dũng	LSC118	CĐ: Lịch sử tổ chức bộ máy Nhà nước ở Việt Nam thời P.kiến	3	CCLS15	27	5	-----012	M103	6789
1075	Dũng	LSC116	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1918	3	CCLS15	27	5	-----012	M103	890 45
1017	Sơn	LSC109	Các nước tư bản sau Chiến tranh TG 1 đến nay	2	CCLS14	22	6	12-----	M103	345678901
1085	Tiến	LSC122	Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến 1975	4	CCLS14	22	6	--3456-----	M103	78901
1077	Liên	LSC115	Lịch sử Việt nam TK XVI đến 1858	3	CCLS15	27	6	-----901-	M103	34567
1075	Dũng	LSC118	CĐ: Lịch sử tổ chức bộ máy Nhà nước ở Việt Nam thời P.kiến	3	CCLS15	27	6	-----901-	M103	6789
1075	Dũng	LSC116	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1918	3	CCLS15	27	6	-----901-	M103	890 45

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Bộ môn Lý luận Chính trị (MLN) - Khoa:

CBGD	Tên CGBD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCVL14	26	2	-23-----	M202	345678901234567
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCMN141	48	2	-23-----	D202	345678901234567
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCTO14	34	2	---456-----	M201	345678901234567
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCLS14 ...	55	2	----56-----	H203	345678901234567
1147	Hà	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCTH152	44	2	-----789---	H102	34567890 4567890
1149	Hiền	LCT001	Chính trị 1	2	TCTM162	50	2	-----78----	E201	90123456789012
9008	Phong	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCTO15	39	2	-----012	M201	34567890 4567890
1149	Hiền	LCT001	Chính trị 1	2	TCTM161	50	2	-----12	E101	90123456789012
1148	Hăng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCTH142	43	3	123-----	H102	345678901234567
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCAN14 ...	30	3	123-----	E203	345678901234567
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCDL14 ...	47	3	123-----	M102	345678901234567
1149	Hiền	LCC001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	4	CCNV16 ...	41	3	1234-----	D103	90123456 8901
1148	Hăng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCHH14 ...	49	3	---45-----	M206	345678901234567
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCTH141	41	3	---456-----	H101	345678901234567
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCMN141	48	3	---456-----	D202	345678901234567
9008	Phong	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCLS15 ...	57	3	-----789---	M103	34567890 4567890
1153	Trình	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCNV15	29	3	-----789---	M101	34567890 4567890
1153	Trình	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCSA15	33	3	-----012	H202	34567890 4567890
1147	Hà	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCTA15	39	3	-----012	H203	345678901234567
1148	Hăng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCQT14 ...	35	4	12-----	D102	345678901234567
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCSA14	31	4	123-----	H202	345678901234567
1151	Trình	LCC001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	4	CCMN162	55	4	1234-----	D205	90123456 8901
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCSH14	27	4	-23-----	M203	345678901234567
1149	Hiền	LCC001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	4	CCTH161	50	4	--3456-----	H103	90123456 8901
1150	Vân	LCC001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	4	CCMN161	55	4	--3456-----	A304	90123456 8901
1148	Hăng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCMN142	49	4	---456-----	D203	345678901234567
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCTO14	34	4	---45-----	M201	345678901234567
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCLS14 ...	55	4	---456-----	H203	345678901234567
1153	Trình	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCMN152	51	4	-----789---	D203	34567890 4567890
9008	Phong	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCTH151	48	4	-----012	H101	34567890 4567890
1147	Hà	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCVL15	40	4	-----012	M202	34567890 4567890
1153	Trình	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCMN151	52	4	-----012	D202	34567890 4567890
1148	Hăng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCHH14 ...	49	5	123-----	M206	345678901234567
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCTH141	41	5	12-----	H101	345678901234567
1154	Hiền	LCC001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	4	CCTH162	50	5	1234-----	H104	90123456 8901
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCAN14 ...	30	5	--34-----	E203	345678901234567
1148	Hăng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCTH142	43	5	---45-----	H102	345678901234567
1151	Trình	LCC011	Kinh tế học đại cương	2	CCQT16	16	5	---45-----	D103	90123456 8901

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Bộ Môn/Trung Tâm: Bộ môn Lý luận Chính trị (MLN) - Khoa:

CBGD	Tên CGBD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
1147	Hà	LCC001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	4	CCTO16 ...	58	5	-----8901-	A304	90123456 8901
1170	Quỳnh	LCC007	Nhập môn Xã hội học	4	CCQT16	16	5	-----8901-	D103	90123456 8901
1146	ái	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCSH15	34	5	-----012	M203	34567890 4567890
1153	Trình	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCQT15 ...	40	5	-----012	M205	345678901234567
1148	Hằng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCQT14 ...	35	6	123-----	D102	345678901234567
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCVL14	26	6	123-----	M202	345678901234567
1154	Hiền	LCC009	Mỹ học đại cương	3	CCNV16	30	6	123-----	M105	90123456 8901
1151	Trình	LCC011	Kinh tế học đại cương	2	CCQT16	16	6	12-----	D103	90123456 8901
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCSA14	31	6	--34-----	H202	345678901234567
1154	Hiền	LCC006	Nhập môn logic	2	CCTO14 ...	48	6	---45-----	M201	345678901234567
1148	Hằng	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCMN142	49	6	---45-----	D203	345678901234567
1146	ái	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	3	CCSH14	27	6	---456-----	M203	345678901234567
1152	Hương	LCC004	Đường lối cách mạng của ĐCS	2	CCDL14 ...	47	6	----56-----	M102	345678901234567
1151	Trình	LCT001	Chính trị 1	2	TCTM163	50	6	-----78----	E301	90123456789012
9008	Phong	LCC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	CCHH15	37	6	-----012	M206	34567890 4567890

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Giáo dục Mầm non (MNC) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1074	Vân	MNC203	Tiếng Việt thực hành	2	CCMN161	55	2	-23-----	D204	90123456 8
1018	Gia	MNC203	Tiếng Việt thực hành	2	CCMN161	55	2	-23-----	D204	901
1035	Hoa	MNC111	Các CD đổi mới trong GDMN 1	3	CCMN141	48	2	---456-----	D202	34567
9034	Kiều	MNC111	Các CD đổi mới trong GDMN 1	3	CCMN141	48	2	---456-----	D202	89012
9027	Nhi	MNC210	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi	3	CCMN142	49	2	-----789---	D204	8901234567
9006	Hiệp	MNC114	Mỹ thuật nâng cao	2	CCMN152	20	2	-----78----	E102	34567890 4567890
9021	Vân	MNC110	PP Giáo dục thể chất	2	CCMN141	48	2	-----89---	D203	8901234567
9035	Trúc	MNC101	Múa	2	CCMN162	27	2	-----89---	H201	90123456 8901
9006	Hiệp	MNC114	Mỹ thuật nâng cao	2	CCMN152	21	2	-----90--	E102	34567890 4567890
9027	Nhi	MNC210	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi	3	CCMN141	49	2	-----012	D203	8901234567
9021	Vân	MNC110	PP Giáo dục thể chất	3	CCMN142	49	2	-----012	D204	01234567
9035	Trúc	MNC101	Múa	3	CCMN162	27	2	-----012	H201	90123456 8901
9027	Nhi	MNC208	Vệ sinh dinh dưỡng	3	CCMN141	48	3	123-----	D202	345678901234567
1035	Hoa	MNC111	Các CD đổi mới trong GDMN 1	3	CCMN142	49	3	123-----	D203	34567
9034	Kiều	MNC111	Các CD đổi mới trong GDMN 1	3	CCMN142	49	3	123-----	D203	89012
9027	Nhi	MNC208	Vệ sinh dinh dưỡng	3	CCMN142	49	3	---456-----	D203	345678901234567
1035	Hoa	MNC104	Tổ chức hoạt động tạo hình	3	CCMN151	52	3	-----789---	D202	34567890 4567890
9021	Vân	MNC110	PP Giáo dục thể chất	3	CCMN141	48	3	-----890--	D205	8901234567
9035	Trúc	MNC101	Múa	2	CCMN162	27	3	-----89---	H201	90123456 8901
1035	Hoa	MNC104	Tổ chức hoạt động tạo hình	3	CCMN152	51	3	-----012	D203	34567890 4567890
9035	Trúc	MNC101	Múa	3	CCMN162	27	3	-----012	H201	90123456 8901
1018	Gia	MNC203	Tiếng Việt thực hành	2	CCMN162	55	4	----56-----	D205	90123456 8901
9021	Vân	MNC110	PP Giáo dục thể chất	3	CCMN142	49	4	-----890--	D204	01234567
1074	Vân	MNC203	Tiếng Việt thực hành	2	CCMN161	55	4	-----12	D204	90123456 8
1018	Gia	MNC203	Tiếng Việt thực hành	2	CCMN161	55	4	-----12	D204	901
1018	Gia	MNC203	Tiếng Việt thực hành	2	CCMN162	55	5	12-----	D205	90123456 8901
9035	Trúc	MNC111	Các CD đổi mới trong GDMN 1	3	CCMN141	48	5	123-----	D202	34567
		MNC002	Rèn luyện NVSPTX 2	4	CCMN151	52	5	-2345-----	SAN3	6789
		MNC002	Rèn luyện NVSPTX 2	4	CCMN152	51	5	-2345-----	SAN7	6789
9035	Trúc	MNC111	Các CD đổi mới trong GDMN 1	3	CCMN142	49	5	---456-----	D203	34567
1106	Hạnh	MNC105	Tổ chức hoạt động âm nhạc	3	CCMN151	52	5	-----789---	D202	34567890 4567890
1175	Hiệp	MNC101	Múa	2	CCMN161	27	5	-----89---	H201	90123456 8901
1175	Hiệp	MNC101	Múa	3	CCMN161	27	5	-----012	H201	90123456 8901
9006	Hiệp	MNC114	Mỹ thuật nâng cao	2	CCMN151	26	6	-----78----	E102	34567890 4567890
9038	Thơm	MNC105	Tổ chức hoạt động âm nhạc	3	CCMN152	51	6	-----890--	D203	34567890 4567890
1175	Hiệp	MNC101	Múa	2	CCMN161	27	6	-----89---	H201	90123456 8901
9006	Hiệp	MNC114	Mỹ thuật nâng cao	2	CCMN151	26	6	-----90--	E102	34567890 4567890
1175	Hiệp	MNC101	Múa	3	CCMN161	27	6	-----012	H201	90123456 8901

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Bộ Môn/Trung Tâm: Giáo dục Mầm non (MNC) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu										
1035	Hoa	MTC002	Đồ chơi	0	CCMN161	27	*			90123456 8901
1035	Hoa	MTC002	Đồ chơi	0	CCMN162	27	*			90123456 8901
1035	Hoa	MTC002	Đồ chơi	0	CCMN161	27	*			90123456 8901
1035	Hoa	MTC002	Đồ chơi	0	CCMN162	27	*			90123456 8901

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM
Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Mỹ Thuật (MTT) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1112	Điền	MTC154	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	4	CCMT14	16	2	-2345-----	E102	345678901234567
1114	Lĩnh	MTC040	Mỹ thuật 4: TTMT & PPDH Mỹ thuật	3	CCTH141	41	2	-234-----	H101	345678901234567
1112	Điền	MTC145	Hình họa người toàn thân (vẽ chì)	6	CCMT14	16	2	-----789012	E302	345678901234567
1113	Lộc	MTC004	Thường thức Mỹ thuật	3	CCSA16	30	2	-----901-	H206	90123456 8901
1114	Lĩnh	MCT202	Mĩ thuật 2 vẽ trang trí	2	CCTH151	24	3	12-----	E202	34567890 4567890
1115	Phê	MCT202	Mĩ thuật 2 vẽ trang trí	2	CCTH152	22	3	12-----	E102	34567890 4567890
9006	Hiệp	MTT001	Tạo hình	3	TCTM163	25	3	123-----	H105	90123456789012
1114	Lĩnh	MCT202	Mĩ thuật 2 vẽ trang trí	2	CCTH151	24	3	--34-----	E202	34567890 4567890
1115	Phê	MCT202	Mĩ thuật 2 vẽ trang trí	2	CCTH152	22	3	--34-----	E102	34567890 4567890
9006	Hiệp	MTT001	Tạo hình	3	TCTM162	25	3	-----789---	E201	90123456789012
9006	Hiệp	MTT001	Tạo hình	3	TCTM161	25	3	-----012	E102	90123456789012
1115	Phê	MTC108	Rèn luyện NVSP	1	CCMT14	16	4	1-----	E102	34567890
9006	Hiệp	MTT001	Tạo hình	3	TCTM163	25	4	123-----	E201	90123456789012
1115	Phê	MTC161	Thực hành sư phạm 2	3	CCMT14	16	4	-234-----	E102	345678901234567
1112	Điền	MTC160	Thường thức mỹ thuật	2	CCAN14	14	4	--34-----	E203	345678901234567
1112	Điền	MTC001	Mỹ thuật	3	CCMN161	27	4	-----890--	E102	90123456 8901
1114	Lĩnh	MTC001	Mỹ thuật	3	CCMN161	27	4	-----890--	E202	90123456 8901
9006	Hiệp	MTT001	Tạo hình	3	TCTM161	25	4	-----012	H206	90123456789012
1115	Phê	MTC158	Thực hành sư phạm 3	2	CCMT14	16	5	12-----	E102	345678901234567
1113	Lộc	MTC040	Mỹ thuật 4: TTMT & PPDH Mỹ thuật	3	CCTH142	43	5	123-----	H102	345678901234567
1113	Lộc	MTC148	Trang trí ứng dụng 3	6	CCMT14	16	5	-----789012	E102	345678901234567
9006	Hiệp	MTC001	Mỹ thuật	3	CCMN162	27	5	-----789---	H105	90123456 8901
9006	Hiệp	MTC001	Mỹ thuật	3	CCMN162	27	5	-----012	H105	90123456 8901
1114	Lĩnh	MTC152	Bố cục 2	6	CCMT14	16	6	123456-----	E102	345678901234567
9006	Hiệp	MTT001	Tạo hình	3	TCTM162	25	6	---456-----	H105	90123456789012

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Nghiệp Vụ Mầm Non (NVM) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1106	Hạnh	MNC206	Phát triển và TCTH CT GDMN	4	CCMN142	49	2	-2345-----	D203	345678901234567
9021	Vân	MNT105	Phương pháp Tổ chức Hoạt động Tạo hình	4	TCTM153	56	2	-2345-----	E301	345678901234567
9035	Trúc	MNT109	Phương pháp Làm quen với Toán	4	TCTM152	58	2	-2345-----	E201	345678901234567
1175	Hiệp	MNT106	Phương pháp Giáo dục Âm nhạc	2	TCTM151	58	2	----56-----	E101	345678901234567
1111	Tâm	MNT107	Phương pháp Phát triển Lời nói	4	TCTM151	58	3	1234-----	E101	345678901234567
9035	Trúc	MNT109	Phương pháp Làm quen với Toán	4	TCTM153	56	3	1234-----	E301	345678901234567
1111	Tâm	MNT107	Phương pháp Phát triển Lời nói	2	TCTM152	58	3	----56-----	E201	345678901234567
1175	Hiệp	MNT106	Phương pháp Giáo dục Âm nhạc	2	TCTM151	58	3	----56-----	E101	345678901234567
9034	Kiều	MNT108	Phương pháp Làm quen với MTXQ	2	TCTM153	56	3	----56-----	E301	345678901234567
1106	Hạnh	MNC207	Quản lý Giáo dục Mầm non	3	CCMN142	49	3	-----890--	D204	345678901234567
1106	Hạnh	MNC206	Phát triển và TCTH CT GDMN	4	CCMN141	48	4	1234-----	D202	345678901234567
		MNT002	Thực tập nghề nghiệp 2	4	TCTM151	58	4	-2345-----	SAN5	6789012
		MNT002	Thực tập nghề nghiệp 2	4	TCTM152	58	4	-2345-----	SAN6	6789012
		MNT002	Thực tập nghề nghiệp 2	4	TCTM153	56	4	-2345-----	SAN4	6789012
9034	Kiều	MNT108	Phương pháp Làm quen với MTXQ	4	TCTM152	58	4	-----7890--	E201	345678901234567
9035	Trúc	MNT109	Phương pháp Làm quen với Toán	2	TCTM151	58	4	-----78----	E101	345678901234567
9027	Nhi	MNT206	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	TCTM153	56	4	-----78----	E301	345678901234567
1175	Hiệp	MNT106	Phương pháp Giáo dục Âm nhạc	4	TCTM153	56	4	-----9012	E301	345678901234567
9027	Nhi	MNT206	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	TCTM151	58	4	-----90--	E101	345678901234567
9027	Nhi	MNT206	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	TCTM152	58	4	-----12	E201	345678901234567
		MNC003	Rèn luyện NVSPTX 3	4	CCMN141	48	5	-2345-----	F201.2	9012
		MNC003	Rèn luyện NVSPTX 3	4	CCMN142	49	5	-2345-----	F201.1	9012
		MNT002	Thực tập nghề nghiệp 2	4	TCTM151	58	5	-2345-----	SAN5	6789012
		MNT002	Thực tập nghề nghiệp 2	4	TCTM152	58	5	-2345-----	SAN6	6789012
		MNT002	Thực tập nghề nghiệp 2	4	TCTM153	56	5	-2345-----	SAN4	6789012
9021	Vân	MNT105	Phương pháp Tổ chức Hoạt động Tạo hình	4	TCTM152	58	5	-----7890--	E201	345678901234567
9034	Kiều	MNT108	Phương pháp Làm quen với MTXQ	4	TCTM151	58	5	-----7890--	E101	345678901234567
9035	Trúc	MNT109	Phương pháp Làm quen với Toán	2	TCTM151	58	5	-----12	E101	345678901234567
1111	Tâm	MNT107	Phương pháp Phát triển Lời nói	2	TCTM152	58	6	12-----	E201	345678901234567
1106	Hạnh	MNC207	Quản lý Giáo dục Mầm non	3	CCMN141	48	6	123-----	D202	345678901234567
9034	Kiều	MNT108	Phương pháp Làm quen với MTXQ	2	TCTM153	56	6	12-----	E301	345678901234567
1111	Tâm	MNT107	Phương pháp Phát triển Lời nói	4	TCTM153	56	6	--3456-----	E301	345678901234567
1175	Hiệp	MNT106	Phương pháp Giáo dục Âm nhạc	4	TCTM152	58	6	--3456-----	E201	345678901234567
9021	Vân	MNT105	Phương pháp Tổ chức Hoạt động Tạo hình	4	TCTM151	58	6	--3456-----	E101	345678901234567

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Nghiệp Vụ Tiểu Học (NVT) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1041	Tám	THC108	Xác suất thống kê	2	CCTH142	43	2	-23-----	H102	345678901234567
1155	Xuân	THC103	Văn học	2	CCTH161	50	2	-23-----	H103	0123456 8901
1155	Xuân	THC118	Rèn luyện NVSP 2	3	CCTH142	43	2	---456-----	H102	345678
1155	Xuân	THC103	Văn học	3	CCTH162	50	2	---456-----	H104	0123456 8901
1101	Thiện	THC118	Rèn luyện NVSP 2	3	CCTH142	43	2	---456-----	H102	901234567
1101	Thiện	THC109	PPDH Toán 1	2	CCTH151	48	2	-----89---	H101	34567890 4567890
1034	Dũng	THC101	Tiếng Việt 1	3	CCTH162	50	2	-----901-	H104	90123456 8901
1101	Thiện	THC109	PPDH Toán 1	2	CCTH152	44	2	-----01-	H102	34567890 4567890
1155	Xuân	THC118	Rèn luyện NVSP 2	3	CCTH141	41	3	123-----	H101	345678
1155	Xuân	THC103	Văn học	3	CCTH161	50	3	123-----	H103	0123456 8901
1101	Thiện	THC118	Rèn luyện NVSP 2	3	CCTH141	41	3	123-----	H101	901234567
1060	Tuyết	THC115	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	CCTH152	44	3	-----9012	H102	34567
1034	Dũng	THC101	Tiếng Việt 1	3	CCTH161	50	3	-----901-	H103	90123456 8901
1015	Sơn	THC115	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	CCTH152	44	3	-----9012	H102	890 4567
1077	Liên	THC115	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	CCTH152	44	3	-----9012	H102	890
1041	Tám	THC108	Xác suất thống kê	2	CCTH141	41	4	12-----	H101	345678901234567
1099	Thơ	THC116	Giáo dục môi trường	2	CCTH142	43	4	12-----	H102	345678901234567
1155	Xuân	THC103	Văn học	2	CCTH161	50	4	12-----	H103	0123456 8901
1102	Hòa	THC113	Thủ công - Kỹ thuật	2	CCTH162	50	4	12-----	H104	90123456 8901
1101	Thiện	THC110	PPDH Toán Tiểu học 2	4	CCTH142	43	4	--3456-----	H102	345678901234567
1099	Thơ	THC112	Phương pháp TN&XH 2	4	CCTH141	41	4	--3456-----	H101	345678901234567
1155	Xuân	THC103	Văn học	4	CCTH162	50	4	--3456-----	H104	0123456 8901
1034	Dũng	THC101	Tiếng Việt 1	3	CCTH162	50	4	-----901-	H104	90123456 8901
1101	Thiện	THC110	PPDH Toán Tiểu học 2	4	CCTH141	41	5	--3456-----	H101	345678901234567
1102	Hòa	THC113	Thủ công - Kỹ thuật	2	CCTH161	50	5	----56-----	H103	90123456 8901
1060	Tuyết	THC115	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	CCTH151	48	5	-----7890--	H101	34567
1077	Liên	THC115	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	CCTH151	48	5	-----7890--	H101	890
1015	Sơn	THC115	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	CCTH151	48	5	-----7890--	H101	890 4567
1099	Thơ	THC116	Giáo dục môi trường	2	CCTH141	41	6	12-----	H101	345678901234567
1041	Tám	THC107	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	3	CCTH161	50	6	123-----	H103	90123456 8901
1102	Hòa	THC113	Thủ công - Kỹ thuật	3	CCTH162	50	6	123-----	H104	90123456 8901
1099	Thơ	THC112	Phương pháp TN&XH 2	4	CCTH142	43	6	--3456-----	H102	345678901234567
1041	Tám	THC107	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	3	CCTH162	50	6	---456-----	H104	90123456 8901
1102	Hòa	THC113	Thủ công - Kỹ thuật	3	CCTH161	50	6	---456-----	H103	90123456 8901
1006	Dũng	THC104	PPDH Tiếng Việt 1	3	CCTH151	48	6	-----789---	H101	34567890 4567890
1034	Dũng	THC101	Tiếng Việt 1	3	CCTH161	50	6	-----901-	H103	90123456 8901
1006	Dũng	THC104	PPDH Tiếng Việt 1	3	CCTH152	44	6	-----012	H102	34567890 4567890

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Quản Trị Văn Phòng (QTV) - Khoa:

CBGD	Tên CGBD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1084	Mí	QTC110	Nghiep vụ văn thư	3	CCQT14	11	2	-234-----	D102	345678901234567
1084	Mí	QTC102	Quản trị học	4	CCQT15	26	2	-----8901-	D102	345678901234567
1084	Mí	QTC111	Nghiep vụ thư ký văn phòng	2	CCQT14	11	3	-23-----	D102	345678901234567
1084	Mí	QTC117	Quan hệ công chúng	3	CCQT14	11	3	---456-----	D102	345678901234567
		QTC003	Marketing căn bản	4	CCQT16	16	3	-----8901-	D103	90123456 8901
1084	Mí	QTC101	Soạn thảo văn bản hành chính, hợp đồng dân sự, kinh doanh, i	3	CCQT15	26	3	-----012	D102	345678901234567
1084	Mí	QTC112	Quản trị hành chính văn phòng	4	CCQT14	11	4	--3456-----	D102	345678901234567
1070	Hà	QTC105	Văn bản QLNN và kỹ thuật soạn thảo văn bản	4	CCQT15	26	4	-----8901-	D102	345678901234567
1084	Mí	QTC002	Hành chính học đại cương	4	CCQT16	16	6	--3456-----	D103	90123456 8901
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu										
		QTC113	Tổ chức lao động khoa học và TTBVP	0	CCQT14	11	*			345678901234567
		QTC103	Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam	0	CCQT15	26	*			
		QTC104	Luật nhà nước Việt Nam	0	CCQT15	26	*			

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Sinh Học (SHC) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1058	Nhơn	SHC113	Di truyền học 1	2	CCSH14	27	2	-23-----	M203	3456789
1058	Nhơn	SHC124	Di truyền học 2	2	CCSH14	27	2	-23-----	M203	01234567
1057	Hải	SHC011	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	CCMN162	55	2	-23-----	D205	90123456 8901
1060	Tuyết	KNC119	Thủy sản	2	CCKN14	11	2	--34-----	M207	3456789012
1056	Hà	SHC120	Phương pháp giảng dạy Sinh học THCS	3	CCSH14	27	2	---456-----	M203	345678901234567
1058	Nhơn	SHC111	Lí sinh học	2	CCSH15	34	2	-----78----	M203	34567890 4567890
1056	Hà	SHC014	Sinh học 1	3	CCVL14	26	2	-----890--	M202	678
1057	Hải	SHC109	Giải phẫu người	2	CCSH15	34	2	-----12	M203	34567890 4567890
1057	Hải	SHC011	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	CCMN162	55	3	12-----	D205	90123456 8901
1059	Phương	SHC010	Sinh lý trẻ lứa tuổi tiểu học	3	CCTH162	50	3	123-----	H104	90123456 8901
1057	Hải	SHC117	Sinh thái môi trường	3	CCSH14	27	3	---456-----	M203	345678901234567
1060	Tuyết	KNC118	Lâm nghiệp	2	CCKN14	11	3	---45-----	M207	3456789012
1059	Phương	SHC010	Sinh lý trẻ lứa tuổi tiểu học	3	CCTH161	50	3	---456-----	H103	90123456 8901
1056	Hà	SHC119	Đại cương về phương pháp giảng dạy Sinh học	3	CCSH15	34	3	-----012	M203	34567890 4567890
1060	Tuyết	SHC005	Dân số môi trường	3	CCTO16	28	4	123-----	M301	90123456 8901
1012	Hà	SHC016	Sinh học 3	4	CCHH15 ...	105	4	-2345-----	A102	4567
1058	Nhơn	SHC015	Sinh học 2	3	CCHH15 ...	103	4	--345-----	A102	67890
1057	Hải	SHC014	Sinh học 1	3	CCVL14	26	4	--345-----	M202	345
1056	Hà	SHC120	Phương pháp giảng dạy Sinh học THCS	3	CCSH14	27	4	---456-----	M203	345678901234567
1058	Nhơn	SHC111	Lí sinh học	2	CCSH15	34	4	-----78----	M203	34567890 4567890
1056	Hà	SHC107	Động vật có SX	2	CCSH15	34	4	-----90--	M203	34567890 4567890
1037	Nga	KGC122	PP dạy học KTGD	2	CCKN14	11	5	12-----	M207	345678901234567
1057	Hải	SHC011	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	4	CCMN161	55	5	1234-----	H105	90123456 8901
1059	Phương	SHC115	Công nghệ sinh học	2	CCSH14	27	5	-23-----	M203	345678901234567
1060	Tuyết	KNC117	Thú y	2	CCKN14	11	5	--34-----	M207	3456789012
1057	Hải	SHC014	Sinh học 1	2	CCVL14	26	5	--34-----	M202	345
1056	Hà	SHC014	Sinh học 1	2	CCVL14	26	5	--34-----	M202	678
1058	Nhơn	SHC113	Di truyền học 1	3	CCSH14	27	5	---456-----	M203	3456789
1058	Nhơn	SHC124	Di truyền học 2	3	CCSH14	27	5	---456-----	M203	01234567
1167	Nga	KGC107	Cắm hoa tươi	2	CCKN14	11	5	----56-----	M207	345678901234567
1058	Nhơn	SHC015	Sinh học 2	3	CCHH15 ...	103	5	-----901-	A102	67890
1012	Hà	SHC016	Sinh học 3	4	CCHH15 ...	105	5	-----9012	A102	4567
1057	Hải	SHC117	Sinh thái môi trường	3	CCSH14	27	6	123-----	M203	345678901234567
1057	Hải	SHC109	Giải phẫu người	2	CCSH15	34	6	-----78----	M203	34567890 4567890
1056	Hà	SHC107	Động vật có SX	2	CCSH15	34	6	-----90--	M203	34567890 4567890
1056	Hà	SHC119	Đại cương về phương pháp giảng dạy Sinh học	2	CCSH15	34	6	-----12	M203	34567890 4567890

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Tiếng Anh (TAN) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1173	Vân	TAC140	Luyện dịch 2	3	CCTA14	22	2	-234-----	H203	345678901234567
1086	ái	TAC116	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 5	2	CCSA14	31	2	-23-----	H202	345678901234567
1090	Huy	TAC139	Luyện dịch 1	3	CCSA14	31	2	---456-----	H202	345678901234567
1098	Thanh	TAC001	Tiếng Anh 1	3	CCTH161	50	2	---456-----	H103	90123456 8901
1096	Thủy	TAC127	Diễn đạt nói 3	2	CCSA15	33	2	-----78----	H202	34567890 4567890
1086	ái	TAC131	Diễn đạt viết 3	2	CCTA15	39	2	-----78----	H203	345678901234567
1098	Thanh	TAC143	Từ vựng học	3	CCTA14	22	2	-----890--	H204	789012345
1092	Nga	TAC150	Giao thoa văn hoá Anh-Mỹ-Việt	3	CCTA14	22	2	-----890--	H204	3456 67
1096	Thủy	TAC127	Diễn đạt nói 3	2	CCTA15	39	2	-----90--	H203	345678901234567
1090	Huy	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCLS15	27	2	-----012	M103	34567890 4567890
1098	Thanh	TAC119	Nghe hiểu 3	2	CCSA15	33	2	-----12	H202	34567890 4567890
1093	Nghi	TAC114	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 3	2	CCTA15	39	2	-----12	H203	345678901234567
1090	Huy	TAC005	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	CCCT14	24	3	123-----	M205	345678901234567
1088	Chi	TAC142	Ngữ âm học	3	CCSA14	31	3	123-----	H202	345678901234567
1086	ái	TAC152	Tiếng Anh Du lịch 2	3	CCTA14	22	3	123-----	H203	345678901234567
1013	Hiếu	TAC112	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 1	2	CCSA16	30	3	--34-----	H204	90123456 8901
1090	Huy	TAC134	Ngữ pháp 2	3	CCSA14	31	3	---456-----	H202	345678901234567
1094	Sương	TAC153	Tiếng Anh Thương mại 1	3	CCTA14	22	3	---456-----	H203	345678901234567
1038	Ngọc	TAC001	Tiếng Anh 1	3	CCTH162	50	3	---456-----	H104	90123456 8901
1093	Nghi	TAC133	Ngữ pháp 1	3	CCTA15	39	3	-----789---	H203	345678901234567
1087	Anh	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCSH15	34	3	-----789---	M203	34567890 4567890
1010	Bảo	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCCT15 ...	40	3	-----789---	M205	345678901234567
1088	Chi	TAT001	Tiếng Anh 1	3	TCTM161	50	3	-----789---	E101	90123456 8901
1092	Nga	TAC150	Giao thoa văn hoá Anh-Mỹ-Việt	2	CCTA14	22	3	-----89---	H204	3456 67
1013	Hiếu	TAC116	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 5	3	CCTA14	22	3	-----890--	H204	789012345
1098	Thanh	TAC143	Từ vựng học	2	CCSA14	31	3	-----01-	H206	789012345
1092	Nga	TAC150	Giao thoa văn hoá Anh-Mỹ-Việt	2	CCSA14	31	3	-----01-	H206	3456 67
1088	Chi	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCHH15	37	3	-----012	M206	34567890 4567890
1087	Anh	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCVL15	40	3	-----012	M202	34567890 4567890
1090	Huy	TAT001	Tiếng Anh 1	3	TCTM162	50	3	-----012	E201	90123456 8901
1094	Sương	TAC136	Luyện âm	3	CCSA16	30	3	-----012	M301	90123456 8901
1013	Hiếu	TAC116	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 5	3	CCTA14	22	4	123-----	H203	345678901234567
1094	Sương	TAC117	Nghe hiểu 1	3	CCSA16	30	4	123-----	H204	90123456 8901
1038	Ngọc	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCDL15	30	4	-234-----	E101	34567890 4567890
1092	Nga	TAC150	Giao thoa văn hoá Anh-Mỹ-Việt	3	CCSA14	31	4	---456-----	H202	3456 67
1091	Mỹ	TAC157	PPGD ngoại ngữ 3	3	CCSA14	31	4	---456-----	H202	789012345
1173	Vân	TAC129	Diễn đạt viết 1	3	CCSA16	30	4	---456-----	H204	90123456 8901
1093	Nghi	TAC114	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 3	3	CCTA15	39	4	-----789---	H203	345678901234567

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Bộ Môn/Trung Tâm: Tiếng Anh (TAN) - Khoa:

CBGD	Tên CGBD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học	
										123456789012345678901234567	123456789012345678901234567
1173	Vân	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCMN151	52	4	-----789---	D202	34567890	4567 90
1087	Anh	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCTH151	48	4	-----789---	H101	34567890	4567890
1092	Nga	TAC123	Đọc hiểu 3	3	CCTA15	39	4	-----012	H203	3456	67
1093	Nghi	TAC123	Đọc hiểu 3	2	CCSA15	33	4	-----01-	H202	34567890	4567890
1173	Vân	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCMN152	51	4	-----012	D203	34567890	4567890
1087	Anh	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCTH152	44	4	-----012	H102	34567890	4567890
1098	Thanh	TAC143	Từ vựng học	3	CCSA14	31	5	123-----	H202	789012345	
1092	Nga	TAC150	Giao thoa văn hoá Anh-Mỹ-Việt	3	CCSA14	31	5	123-----	H202	3456	67
1091	Mỹ	TAC161	Tiếng Anh Tài chính Ngân hàng 1	3	CCTA14	22	5	123-----	H203	345678901234567	
1010	Bào	TAC001	Tiếng Anh 1	3	CCNV16 ...	46	5	123-----	D103	90123456	8901
1013	Hiếu	TAC112	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 1	3	CCSA16	30	5	123-----	H204	90123456	8901
1093	Nghi	TAC135	Ngữ pháp 3	3	CCTA14	22	5	---456-----	H203	345678901234567	
1086	ái	TAC116	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 5	3	CCSA14	31	5	---456-----	H202	345678901234567	
1088	Chi	TAC114	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 3	4	CCSA15	33	5	-----7890--	H202	34567890	4567890
1087	Anh	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCNV15	29	5	-----789---	M101	34567890	4567890
9025	Phương	TAT003	Tiếng Anh 3	2	TCTM153	56	5	-----78----	E301	345678901234567	
1098	Thanh	TAC119	Nghe hiểu 3	2	CCTA15	39	5	-----01-	H203	345678901234567	
1087	Anh	TAC003	Tiếng Anh 3	3	CCTO15	39	5	-----012	M201	34567890	4567890
1091	Mỹ	TAT001	Tiếng Anh 1	3	TCTM163	50	5	-----012	D205	90123456	8901
9025	Phương	TAT003	Tiếng Anh 3	2	TCTM152	58	5	-----12	E201	345678901234567	
1098	Thanh	TAC143	Từ vựng học	3	CCTA14	22	6	123-----	H203	789012345	
1092	Nga	TAC150	Giao thoa văn hoá Anh-Mỹ-Việt	3	CCTA14	22	6	123-----	H203	3456	67
1096	Thủy	TAC171	Nghiên cứu giáo trình tiếng Anh tiểu học 1	2	CCSA14	31	6	12-----	H202	345678901234567	
9025	Phương	TAT003	Tiếng Anh 3	2	TCTM151	58	6	12-----	E101	345678901234567	
1088	Chi	TAC001	Tiếng Anh 1	3	CCMN162	55	6	123-----	D205	90123456	8901
1087	Anh	TAC001	Tiếng Anh 1	3	CCMN161	55	6	123-----	D204	90123456	8901
1096	Thủy	TAC125	Diễn đạt nói 1	3	CCSA16	30	6	--345-----	H204	90123456	8901
1088	Chi	TAC169	Tiếng Anh văn phòng	3	CCTA14	22	6	---456-----	H203	345678901234567	
1091	Mỹ	TAC157	PPGD ngoại ngữ 3	2	CCSA14	31	6	----56-----	H202	789012345	
1091	Mỹ	TAC155	PPGD ngoại ngữ 1	3	CCSA15	33	6	-----789---	H202	34567890	4567890
1086	ái	TAC151	Tiếng Anh Du lịch 1	3	CCTA14	22	6	-----890--	H203	345678901234567	
1173	Vân	TAC131	Diễn đạt viết 3	2	CCSA15	33	6	-----01-	H202	34567890	4567890
1092	Nga	TAC123	Đọc hiểu 3	2	CCTA15	39	6	-----12	H203	3456	67
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu											
1097	Trình	TAC001	Tiếng Anh 1	0	CCTO16	28	*			90123456	8901
1097	Trình	TAC121	Đọc hiểu 1	0	CCSA16	30	*			90123456	8901

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Giáo Dục Thể Chất (TDC) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học	
										123456789012345678901234567	
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu											
1123	Cường	TCC005	Cầu lông	3	CCHH15	37	2	-234-----	SAN1	34567890	45
1124	Chính	TCC005	Cầu lông	3	CCTH152	44	2	-234-----	ĐCN	34567890	45
1131	Bình	TCC004	Bóng ném	3	CCSA15	33	2	-234-----	KTX	34567	
1130	Dương	TCC118	Cờ vua	3	CCTC14	21	2	--345-----	E303	3456789012	
9012	Cường	QPT001	Giáo dục QP-AN HP1 (Lý thuyết)	4	TCTM161	50	2	-----7890--	E101	901234567890	
1132	Tuần	TCC116	Cầu lông	4	CCTC14	21	2	-----9012	SAN3	345678901234567	
1123	Cường	TCC001	Chạy cự ly ngắn - Nhảy xa	4	CCTH161	50	2	-----9012	SAN1	90123456	8901
1127	Tú	QPT001	Giáo dục QP-AN HP1 (Lý thuyết)	4	TCTM163	50	2	-----9012	E301	901234567890	
1131	Bình	TCC004	Bóng ném	3	CCTO15	39	3	-234-----	SAN2	34567	
1130	Dương	TCC005	Cầu lông	3	CCNV15	29	3	-234-----	ĐCN	34567890	45
1124	Chính	TCC004	Bóng ném	3	CCMN152	51	3	-234-----	KTX	34567890	45
1129	Triết	TCC005	Cầu lông	3	CCQT15	26	3	-234-----	SAN1	3456789012	
1129	Triết	TCC115	Bóng chuyền	4	CCTC14	21	3	-----9012	SAN3	345678901234567	
1126	Lâm	TCC001	Chạy cự ly ngắn - Nhảy xa	4	CCMN161	55	3	-----9012	SAN1	90123456	8901
1124	Chính	TCT302	Chạy cự ly ngắn - Nhảy dây - TTTC	4	TCTM163	50	3	-----9012	SAN2	90123456789012	
1131	Bình	TCC004	Bóng ném	3	CCTO15	39	4	-234-----	SAN2	34567	
1125	ích	TCC004	Bóng ném	3	CCTH151	48	4	-234-----	KTX	34567890	45
1124	Chính	TCC114	Bóng đá	4	CCTC14	21	4	-----9012	SAN3	345678901234567	
1125	ích	TCC001	Chạy cự ly ngắn - Nhảy xa	4	CCTO16 ...	44	4	-----9012	SAN1	90123456	8901
1123	Cường	TCC001	Chạy cự ly ngắn - Nhảy xa	4	CCSA16 ...	60	4	-----9012	SAN2	90123456	8901
1125	ích	TCC005	Cầu lông	3	CCTA15	39	5	-234-----	X01	3456789012	
1123	Cường	TCC004	Bóng ném	3	CCSH15	34	5	-234-----	KTX	34567890	45
1131	Bình	TCC004	Bóng ném	3	CCSA15	33	5	-234-----	ĐCN	34567	
1132	Tuần	TCC005	Cầu lông	3	CCVL15	40	5	-234-----	SAN2	34567890	45
1127	Tú	TCC004	Bóng ném	3	CCDL15	30	5	-234-----	SAN1	34567890	45
1128	Đông	TCC112	Vệ sinh và Y học TDTT	3	CCTC14	21	5	---456-----	E303	345678901234567	
1126	Lâm	TCC001	Chạy cự ly ngắn - Nhảy xa	4	CCTH162	50	5	-----9012	SAN1	90123456	8901
9012	Cường	QPT001	Giáo dục QP-AN HP1 (Lý thuyết)	4	TCTM162	50	5	-----9012	D102	901234567890	
1131	Bình	TCC004	Bóng ném	3	CCMN151	52	5	-----012	SAN1	34567	
1129	Triết	TCC115	Bóng chuyền	4	CCTC14	21	6	1234-----	SAN3	345678901234567	
1130	Dương	TCC004	Bóng ném	3	CCLS15	27	6	-234-----	KTX	34567890	45
1131	Bình	TCC004	Bóng ném	3	CCMN151	52	6	-234-----	SAN1	34567	
1132	Tuần	TCC004	Bóng ném	3	CCCT15	14	6	-234-----	SAN2	345678901234567	
1127	Tú	TCC201	Lý luận và Phương pháp Dạy học Thể dục ở Tiểu học	3	CCTH152	44	6	-----789---	H102	34567890	4567890
1125	ích	TCT302	Chạy cự ly ngắn - Nhảy dây - TTTC	4	TCTM161	50	6	-----9012	SAN2	90123456789012	
1130	Dương	TCT302	Chạy cự ly ngắn - Nhảy dây - TTTC	4	TCTM162	50	6	-----9012	E201	90123456789012	
1132	Tuần	TCC001	Chạy cự ly ngắn - Nhảy xa	4	CCMN162	55	6	-----9012	SAN1	90123456	8901
1126	Lâm	TCC201	Lý luận và Phương pháp Dạy học Thể dục ở Tiểu học	3	CCTH151	48	6	-----012	H101	34567890	4567890

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Bộ môn Tâm Lý Giáo Dục (TLG) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1072	Thoa	TGC108	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	CCNV14	19	2	-2-----	M101	34567890
1140	Hà	TGT005	Giáo dục học 3	3	TCTM151	58	2	-234-----	E101	3456789012
1137	Bích	TGC015	Tâm lý học đại cương	2	CCTH162	50	2	-23-----	H104	90123456 8901
1144	Ngân	TGC001	Tâm lý học đại cương	2	CCTO16 ...	58	2	-23-----	A102	90123456 8901
1142	Lam	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCTO15	39	2	-234-----	H105	90 4567
1015	Sơn	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	3		28	2	--345-----	M102	234567
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCHH14	28	2	----56-----	M206	3456
1137	Bích	TGC106	Phương pháp NCKH giáo dục	2	CCTH141	41	2	----56-----	H101	345678901234567
1171	Sơn	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCHH15	37	2	-----78----	M206	34567890 4567890
1142	Lam	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCDL15	30	2	-----78----	M102	34567890 4567890
9031	Linh	TGT001	Tâm lý học 1	2	TCTM163	50	2	-----78----	E301	90123456789012
1143	Vân	TGC204	Giáo dục học Mầm non	4	CCMN151	52	2	-----8901-	D202	34567890 4567890
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCDL14	28	2	-----89---	M106	3456
1171	Sơn	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCSH15	34	2	-----90--	M203	34567890 4567890
1145	Quý	TGC103	Những vấn đề chung của Giáo dục học	2	CCTH151	48	2	-----01-	H101	34567890 4567890
1171	Sơn	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCVL15	40	2	-----12	M202	34567890 4567890
1072	Thoa	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	1	CCNV15	29	2	-----2	M101	567
1142	Lam	TGT005	Giáo dục học 3	4	TCTM152	58	3	1234-----	E201	345678901234567
1141	Quyên	TGT001	Tâm lý học 1	2	TCTM161	50	3	12-----	A102	90123456789012
1126	Lâm	TGC108	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	2	CCTC14	21	3	-23-----	E303	789012345
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCTC14	21	3	-23-----	E303	3456
1144	Ngân	TGC001	Tâm lý học đại cương	4	CCMN162	55	3	--3456-----	D205	90123456 8901
1137	Bích	TGC106	Phương pháp NCKH giáo dục	2	CCTH142	43	3	---45-----	H102	345678901234567
1140	Hà	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCVL15	40	3	-----789---	M202	34567890 4
1137	Bích	TGC206	Sự học và sự phát triển TLTE lứa tuổi MN 2	3	CCMN152	51	3	-----789---	D203	34567890 4567890
1143	Vân	TGC103	Những vấn đề chung của Giáo dục học	2	CCTH152	44	3	-----78----	H102	34567890 4567890
1144	Ngân	TGC001	Tâm lý học đại cương	2	CCTO16 ...	58	3	-----89---	A102	90123456 8901
1171	Sơn	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCNV14	19	3	-----9012	M105	56
1171	Sơn	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCSH14	27	3	-----9012	M207	34
1140	Hà	TGT005	Giáo dục học 3	3	TCTM151	58	3	-----012	E101	3456789012
1137	Bích	TGC206	Sự học và sự phát triển TLTE lứa tuổi MN 2	3	CCMN151	52	3	-----012	D202	34567890 4567890
1142	Lam	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCNV15	29	3	-----012	M101	34567890 4567890
1141	Quyên	TGC001	Tâm lý học đại cương	2	CCMN161	55	4	12-----	D204	90123456 8901
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCHH15	37	4	-2345-----	M206	34
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCSH15	34	4	-2345-----	H206	56
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCLS15	27	4	-2345-----	H206	78
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCSA15	33	4	-2345-----	H206	90
1144	Ngân	TGC207	Phương pháp NCKH Giáo dục Mầm non	2	CCMN142	49	4	-23-----	D203	345678901234567

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Bộ Môn/Trung Tâm: Bộ môn Tâm Lý Giáo Dục (TLG) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
1142	Lam	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCTO15	39	4	-234-----	H105	90 4567
1144	Ngân	TGC207	Phương pháp NCKH Giáo dục Mầm non	2	CCMN141	48	4	----56-----	D202	345678901234567
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCAN14 ...	30	4	----56-----	E203	3456
1171	Sơn	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCSA15	33	4	-----789---	H202	34567890 4567890
1145	Quý	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCLS15	27	4	-----78----	M103	34567890 4567890
1143	Vân	TGC104	Lý luận Dạy học Tiểu học	2	CCTH152	44	4	-----89---	H102	34567890 4567890
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCTO14	34	4	-----89---	M301	3456
1142	Lam	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCNV15	29	4	-----90--	M101	34567890 4567890
1140	Hà	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCTO15	39	4	-----012	M201	345678
1171	Sơn	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCHH15	37	4	-----012	M206	34567890 4567890
1144	Ngân	TGT001	Tâm lý học 1	2	TCTM162	50	4	-----01-	A102	90123456789012
9031	Linh	TGT003	Giáo dục học 1	3	TCTM163	50	4	-----012	D205	90123456789012
1137	Bích	TGC015	Tâm lý học đại cương	4	CCTH161	50	5	1234-----	H103	90123456 8901
9031	Linh	TGC303	Kỹ năng giao tiếp	4	CCQT14	11	5	-2345-----	D102	345678901234567
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCVL14	26	5	----56-----	M202	3456
1137	Bích	TGC015	Tâm lý học đại cương	2	CCTH162	50	5	----56-----	H104	90123456 8901
1141	Quyên	TGC001	Tâm lý học đại cương	2	CCMN161	55	5	----56-----	D204	90123456 8901
1171	Sơn	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCSH15	34	5	-----789---	M203	34567890 4567890
1145	Quý	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCLS15	27	5	-----789---	M103	34567890 4567890
1143	Vân	TGC204	Giáo dục học Mầm non	4	CCMN152	51	5	-----7890--	D203	34567890 4567890
9031	Linh	TGT003	Giáo dục học 1	2	TCTM162	50	5	-----78----	D102	90123456789012
1142	Lam	TGT005	Giáo dục học 3	4	TCTM153	56	5	-----9012	E301	345678901234567
9031	Linh	TGC001	Tâm lý học đại cương	2	CCNV16	20	5	-----90--	M105	90123456 8901
1145	Quý	TGC104	Lý luận Dạy học Tiểu học	2	CCTH151	48	5	-----12	H101	34567890 4567890
1143	Vân	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCSA15	33	5	-----12	H202	34567890 4567890
1140	Hà	TGC003	Đại cương về giáo dục học	2	CCVL15	40	6	12-----	H105	34567890 4
1145	Quý	TGC107	Thực hành tổ chức các HĐGD ngoài lớp	2	CCTH142	43	6	12-----	H102	345678901234567
1141	Quyên	TGC209	Giáo dục hòa nhập	3	CCMN142	49	6	123-----	D203	345678901234567
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCTO15	39	6	-2345-----	H206	90
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCDL15	30	6	-2345-----	H206	56
1085	Tiến	TGC108	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	3	CCLS14	22	6	-234-----	M103	234567
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCNV15	29	6	-2345-----	H206	34
1137	Bích	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	4	CCVL15	40	6	--3456-----	H105	78
1145	Quý	TGC107	Thực hành tổ chức các HĐGD ngoài lớp	2	CCTH141	41	6	--34-----	H101	345678901234567
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCLS14 ...	33	6	--34-----	M103	3456
1141	Quyên	TGC209	Giáo dục hòa nhập	3	CCMN141	48	6	---456-----	D202	345678901234567
9031	Linh	TGC001	Tâm lý học đại cương	2	CCNV16	20	6	---45-----	M105	90123456 8901
1140	Hà	TGC006	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	CCSA14	31	6	----56-----	H202	3456
1171	Sơn	TGC004	Hoạt động dạy học ở THCS	2	CCTO15	39	6	-----78----	M201	34567890 4567890
9031	Linh	TGT003	Giáo dục học 1	2	TCTM161	50	6	-----78----	E101	90123456789012
1142	Lam	TGC003	Đại cương về giáo dục học	3	CCDL15	30	6	-----901-	M102	34567890 4567890
1140	Hà	TGC003	Đại cương về giáo dục học	2	CCTO15	39	6	-----12	M201	345678

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Bộ Môn/Trung Tâm: Tin Học (TNH) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1067	Hương	CTC115	Phân tích thiết kế hệ thống	4	CCCT14	24	2	-2345-----	M205	345678901234567
1166	My	CTC120	Lập trình giao diện và đồ họa	4	CCCT15	14	2	-2345-----	A302	345678901234567
1163	Đại	CTC005	Tin học cơ sở	2	CCQT16	16	2	-23-----	A202	90123456 8901
1163	Đại	CTC010	CNTT và ứng dụng CNTT trong GDMN	3	CCMN162	37	2	---456-----	A301	90123456 8901
1165	Hà	CTC010	CNTT và ứng dụng CNTT trong GDMN	3	CCMN161 ...	35	2	---456-----	A202	90123456 8901
1066	Tuyết	CTC132	Mạng máy tính căn bản	4	CCCT14 ...	38	2	-----7890--	M205	3456789
1168	Trường	VLC118	ứng dụng CNTT trong dạy học Vật lý	4	CCVL15	40	2	-----7890--	A202	34567890 4567890
1062	Tuyết	CTC119	Thực hành lập trình hướng đối tượng	4	CCCT15	14	3	1234-----	A302	345678901234567
1067	Hương	CTT002	Nhập môn Tin học	3	TCTM161	40	3	--345-----	A202	90123456789012
1064	Hà	CTC137	Trí tuệ nhân tạo	3	CCCT14	24	3	---456-----	M205	345678901234567
1062	Tuyết	CTC010	CNTT và ứng dụng CNTT trong GDMN	2	CCMN161	37	3	----56-----	A302	90123456 8901
1061	Hải	CTC113	Toán rời rạc 1	3	CCCT15	14	3	-----012	M205	345678901234567
1067	Hương	CTC112	Đồ họa ứng dụng 2	4	CCCT15	14	4	1234-----	A302	345678901234567
1061	Hải	CTC129	CTDL> 2	4	CCCT14	24	4	--3456-----	M205	345678901234567
1163	Đại	CTC005	Tin học cơ sở	3	CCQT16	16	4	--345-----	A202	90123456 8901
1062	Tuyết	CTC118	Lập trình hướng đối tượng	3	CCCT15	14	4	-----789---	A302	345678901234567
1064	Hà	CTT002	Nhập môn Tin học	3	TCTM161 ...	40	4	-----789---	A202	90123456789012
1061	Hải	CTC123	Thiết kế web 1	3	CCCT15	14	4	-----012	A302	3456789012345
1067	Hương	CTC115	Phân tích thiết kế hệ thống	2	CCCT14	24	5	12-----	M205	345678901234567
1166	My	CTC121	Thực hành lập trình giao diện và đồ họa	4	CCCT15	14	5	1234-----	A302	345678901234567
1163	Đại	CTC131	Hệ điều hành	4	CCCT14	24	5	--3456-----	M205	345678901234567
1061	Hải	CTC123	Thiết kế web 1	3	CCCT15	14	5	-----789---	A302	3456789012345
1166	My	CTT002	Nhập môn Tin học	3	TCTM163	40	5	-----789---	A202	90123456789012
1163	Đại	CTT002	Nhập môn Tin học	3	TCTM162	40	6	123-----	A302	90123456789012
1064	Hà	CTC137	Trí tuệ nhân tạo	2	CCCT14	24	6	---45-----	M205	345678901234567
1062	Tuyết	CTC010	CNTT và ứng dụng CNTT trong GDMN	3	CCMN161	37	6	---456-----	A302	90123456 8901
1163	Đại	CTC010	CNTT và ứng dụng CNTT trong GDMN	2	CCMN162	37	6	---45-----	A301	90123456 8901
1165	Hà	CTC010	CNTT và ứng dụng CNTT trong GDMN	2	CCMN161 ...	35	6	---45-----	A202	90123456 8901
1166	My	CTC012	Tin học văn phòng	4	CCTA15	39	6	-----7890--	A202	345678901234567
1066	Tuyết	CTC132	Mạng máy tính căn bản	4	CCCT14 ...	38	6	-----8901-	M205	3456789
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu										
1061	Hải	CTC130	Bài tập CTDL> 2	0	CCCT14	24	*			
1067	Hương	CTC139	Bài tập phân tích thiết kế hệ thống	0	CCCT14	24	*			
1166	My	CTC122	Bài tập lập trình giao diện và đồ họa	0	CCCT15	14	*			
1064	Hà	CTC138	Bài tập lớn trí tuệ nhân tạo	0	CCCT14	24	*			

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Toán Học (TOA) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1043	Thiện	TOC125	Lịch sử Toán học	2	CCTO14	34	2	-23-----	M201	345678901234567
1040	Minh	TOC108	Đại số đại cương A1	3	CCTO15	39	2	-----789---	M201	34567890 4567890
1234	Chiến	TOC132	Bồi dưỡng học sinh giỏi - Chuyên đề Đại số	3	CCTO14	34	3	123-----	M201	34567890
1234	Chiến	TOC134	Bồi dưỡng học sinh giỏi - Chuyên đề Số học	3	CCTO14	34	3	123-----	M201	123456
1044	Trọng	TOC101	Nhập môn Toán cao cấp	2	CCTO16	28	3	12-----	M301	90123456 8901
1176	Trịnh	TOC102	Phép tính VP-TP hàm 1 biến 1	4	CCTO16	28	3	--3456-----	M301	90123456 8901
1040	Minh	TOC115	Hình học Sơ cấp & Thực hành giải Toán	2	CCTO14	34	3	---45-----	M201	345678901234567
1043	Thiện	TOC117	PP dạy học đại cương môn Toán	3	CCTO15	39	3	-----789---	M201	34567890 4567890
1042	Thanh	TOC120	Phương trình vi phân	3	CCTO14	34	4	123-----	M201	345678901234567
1042	Thanh	TOC107	Đại số tuyến tính	3	CCTO16	28	4	---456-----	M301	90123456 8901
1040	Minh	TOC109	Đại số đại cương A2	3	CCTO15	39	4	-----789---	M201	34567890 4567890
1234	Chiến	TOC132	Bồi dưỡng học sinh giỏi - Chuyên đề Đại số	3	CCTO14	34	5	123-----	M201	34567890
1234	Chiến	TOC134	Bồi dưỡng học sinh giỏi - Chuyên đề Số học	3	CCTO14	34	5	123-----	M201	123456
1176	Trịnh	TOC103	Phép tính VP-TP hàm 1 biến 2	4	CCTO16	28	5	-2345-----	M301	90123456 8901
1040	Minh	TOC115	Hình học Sơ cấp & Thực hành giải Toán	3	CCTO14	34	5	---456-----	M201	345678901234567
1043	Thiện	TOC117	PP dạy học đại cương môn Toán	3	CCTO15	39	5	-----789---	M201	34567890 4567890
1043	Thiện	TOC113	Đại số sơ cấp và thực hành giải toán 1	3	CCTO14	34	6	123-----	M201	345678901234567
1044	Trọng	TOC101	Nhập môn Toán cao cấp	3	CCTO16	28	6	123-----	M301	90123456 8901
1042	Thanh	TOC107	Đại số tuyến tính	3	CCTO16	28	6	---456-----	M301	90123456 8901

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM
Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Tiếng Pháp (TPH) - Khoa:

CBGD	Tên CGBD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1095	Thanh	TPC003	Tiếng Pháp 3	3	CCSA15	33	3	-----789---	H202	34567890 4567890
1095	Thanh	TPC003	Tiếng Pháp 3	3	CCTA15	39	5	-----789---	H203	345678901234567

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM
Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Văn (VHC) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
9040	Thu	NVC135	Dẫn luận ngôn ngữ	2	CCNV16	30	2	-23-----	M105	90123456 8901
1072	Thoa	NVC123	Văn học Thế giới 1	2	CCNV14	19	2	--34-----	M101	345678901234567
1070	Hà	NVC002	Tiếng Việt thực hành	3	CCQT16	16	2	---456-----	D103	90123456 8901
1074	Vân	NVC136	Đại cương Tiếng Việt và ngữ âm Tiếng Việt	3	CCNV16	30	2	---456-----	M105	90123456 8901
1072	Thoa	NVC111	Văn bản tiếng Việt	2	CCNV14	19	2	----56-----	M101	345678901234567
1074	Vân	NVC119	VH Việt Nam trung đại 2	2	CCNV15	29	2	-----78----	M101	34567890 4567890
1072	Thoa	NVC106	Lý luận văn học 2	3	CCNV15	29	2	-----901-	M101	34567890 4567890
9040	Thu	NVC004	Dẫn luận ngôn ngữ	2	CCSA16	30	3	12-----	H204	90123456 8901
1072	Thoa	NVC123	Văn học Thế giới 1	3	CCNV14	19	3	---456-----	M101	345678901234567
1072	Thoa	NVC117	Văn học dân gian	2	CCNV16	30	3	-----89---	M105	90123456 8901
1074	Vân	NVC128	PPGD Tập làm văn	2	CCNV14	19	4	12-----	M101	345678901234567
1070	Hà	NVC002	Tiếng Việt thực hành	2	CCQT16	16	4	12-----	D103	90123456 8901
1072	Thoa	NVC105	Lý luận văn học 1	3	CCNV16	30	4	123-----	M105	90123456 8901
1002	Đào	NVC103	Hán nôm 2	3	CCNV15	29	4	-234-----	M206	7890 4567890
1071	Lý	NVC129	PPGD Tiếng Việt	4	CCNV14	19	4	--3456-----	M101	345678901234567
1074	Vân	NVC119	VH Việt Nam trung đại 2	2	CCNV15	29	4	-----78----	M101	34567890 4567890
		NVC126	PPGD Ngữ văn	2	CCNV15	29	4	-----12	M101	34567890 4567890
1073	Vân	NVC127	PPGD Văn	3	CCNV14	19	5	-234-----	M101	345678901234567
1072	Thoa	NVC117	Văn học dân gian	3	CCNV16	30	5	---456-----	M105	90123456 8901
1074	Vân	NVC112	Phong cách học Tiếng Việt	2	CCNV14	19	5	----56-----	M101	345678901234567
1002	Đào	NVC103	Hán nôm 2	3	CCNV15	29	5	-----012	M101	34567890 4567890
9040	Thu	NVC135	Dẫn luận ngôn ngữ	2	CCNV16	30	5	-----12	M105	90123456 8901
1072	Thoa	NVC121	Văn học Việt Nam hiện đại 2A	4	CCNV14	19	6	1234-----	M101	345678901234567
9040	Thu	NVC004	Dẫn luận ngôn ngữ	2	CCSA16	30	6	12-----	H204	90123456 8901
1071	Lý	NVC110	Ngữ pháp tiếng việt	4	CCNV15	29	6	-----7890--	M101	34567890 4567890

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu

THỜI KHÓA BIỂU BỘ MÔN/TRUNG TÂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 16-17

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ15/08/16 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
Bộ Môn/Trung Tâm: Vật Lý (VLY) - Khoa:

CBGD	Tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Số Tiết	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học
										123456789012345678901234567
Môn Học Đã Xếp Thời Khóa Biểu										
1051	Bảo	VLC119	CĐ: KTĐG kiến thức Vật lý THCS	2	CCVL14	26	2	---45-----	M202	345678901234567
1050	Đạt	VLC005	Vật lý đại cương	3	CCTO16	28	2	---456-----	M301	90123456 8901
1063	Trân	VLC116	Lịch sử Vật lý	3	CCVL14	26	3	123-----	M202	3456789012
1168	Trường	KCC114	Cơ kỹ thuật	3	CCKN14	11	3	123-----	M207	345678901234567
1063	Trân	KCC005	Kỹ thuật điện tử	3	CCVL14	26	3	123-----	M202	34567
1050	Đạt	VLC007	Vật lý 2	2	CCSH14	27	3	-23-----	M203	345678901234567
1054	Vân	VLC109	Quang học 1	2	CCVL14	26	3	---45-----	M202	345678901234567
1051	Bảo	VLC008	Vật lý 3	3	CCSH14	27	3	-----901-	M207	5678901234567
1050	Đạt	VLC005	Vật lý đại cương	3	CCTO16	28	3	-----012	H105	90123456 8901
1051	Bảo	VLC123	Rèn luyện NVSP Vật lý	2	CCVL14	26	4	12-----	M202	345678901234567
1168	Trường	KCC122	Phương pháp dạy học KTCN	3	CCKN14	11	4	123-----	M207	345678901234567
1053	Long	VLC111	Vật lý lượng tử 1	3	CCVL14	26	4	--345-----	M202	1234567
1053	Long	VLC102	Phương trình Vật lý Toán	3	CCVL15	40	4	-----789---	M202	34567890 4567890
1063	Trân	VLC121	Lý luận DH Vật lý 2	2	CCVL14	26	5	12-----	M202	345678901234567
1063	Trân	KCC005	Kỹ thuật điện tử	2	CCVL14	26	5	--34-----	M202	901234567
1053	Long	VLC111	Vật lý lượng tử 1	3	CCVL14	26	6	---456-----	M202	345678901234567
1050	Đạt	VLC113	Cơ giải tích	2	CCVL15	40	6	-----89---	M202	34567890 4567890
1054	Vân	VLC106	Điện học 1	3	CCVL15	40	6	-----012	M202	34567890 4567890
Môn Học Chưa Xếp Thời Khóa Biểu										
1051	Bảo	VLC127	Thực hành Vật lý đại cương 2	0	CCVL14	26	*			
1052	Dương	KCC109	Thực hành kỹ thuật điện	0	CCKN14	11	*			
1063	Trân	VLC128	Thực hành Vật lý THCS	0	CCVL14	26	*			

In Ngày 14/10/16

P. TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Gia Lai, Ngày 14 tháng 10 năm 2016
NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Ngô Võ Thạnh

Vũ Chí Hiếu